

Số: 5468 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết 185/NQ – HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ hồ sơ xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí cho **119** sinh viên Đại học Cần Thơ khóa 52 có tên sau đây là con thương binh, con bệnh binh, sinh viên khuyết tật, sinh viên mồ côi cha mẹ, người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn:

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Thời gian miễn, giảm học phí từ **học kỳ 1, năm học 2026-2027**. Mức học phí miễn, giảm được căn cứ theo số tín chỉ quy định trong khối lượng chương trình đào tạo của Trường và quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung sẽ không được tính miễn, giảm học phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Chánh văn phòng Đại học Cần Thơ, các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC CẦN THƠ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHCT, ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Cần Thơ)

STT	MSSV	Họ và tên	Đối tượng miễn, giảm	Tỉ lệ miễn, giảm
1	B2600226	Lâm Thuý Hà	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
2	B2600316	Trần Quốc Minh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
3	B2600745	Lâm Kim Phụng	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
4	B2600789	Ngô Minh Hoàng	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
5	B2601275	Danh Thị Thảo Quy	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
6	B2601437	Ông Phương Anh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
7	B2601484	Ong Thùy Trâm	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
8	B2601502	Trần Tuệ Lâm	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
9	B2601523	Lý Thị Yến Trang	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
10	B2601527	Danh Thị Ngọc Trâm	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
11	B2601644	Quách Thúy Vy	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
12	B2601770	Lý Nam Phương Hoàng Ngọc	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
13	B2601819	Neáng Sóc Sây Mây	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
14	B2601825	Lâm Hưng Nguyên	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
15	B2602013	Dương Thị Hồng Bích	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
16	B2602177	Lâm Khánh Bằng	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
17	B2602224	Triệu Thiên Phú	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
18	B2602359	Châu Phú Khang	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
19	B2602507	Triệu Yến Linh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
20	B2602851	Nguyễn Thị Trân	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
21	B2603212	Ngô Trần Đương	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
22	B2603357	Chau Sóc Som Nang	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
23	B2603382	Nèang Ly Ta	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
24	B2603478	Liêu Trung Quyên	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
25	B2603480	Chau Rinh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
26	B2603487	Chau Sóc Thia	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
27	B2603536	Thạch Gia Hưng	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
28	B2603769	Thạch Trần Hạnh Đan	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
29	B2603784	Ngô Hữu Luân	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
30	B2603845	Đồ Phú Ngân	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
31	B2603848	Dương Quốc Nguyên	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
32	B2603853	Tăng Minh Nhường	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
33	B2603940	Lâm Chí Hải	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
34	B2603969	Lâm Thị Phương Nghi	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
35	B2604065	Liêu Minh Thắng	DTTS ở vùng ĐBKk	70%

STT	MSSV	Họ và tên	Đối tượng miễn, giảm	Tỉ lệ miễn, giảm
36	B2604102	Thạch Duy Khánh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
37	B2604257	Lâm Ngọc Hân	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
38	B2604517	Trương Mỹ Quyên	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
39	B2604549	Chau Phắc Ca Đây	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
40	B2604826	Chau Rít Sa	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
41	B2604961	Hồ Thị Thu Phương	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
42	B2605026	Trần Hoàng Long	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
43	B2605391	Thạch Thị Hồng Tươi	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
44	B2605407	Thạch Trần Băng Châu	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
45	B2605765	Quách Thanh Thanh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
46	B2605832	Mã Phúc Thành	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
47	B2606357	Thạch Thị Tuyết Mai	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
48	B2606571	Nguyễn Thị Bích Huyền	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
49	B2606871	Thị Hồng Đào	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
50	B2607171	Phương Ngọc Ly	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
51	B2607176	Trương Phương Nghi	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
52	B2607203	Trần Thị Anh Thơ	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
53	B2607243	Trần Thành Đạt	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
54	B2607248	Ong Đặng Ngọc Hạnh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
55	B2607260	Sơn Thị Sô Khum	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
56	B2607347	Chau Hiệp	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
57	B2607509	Trần Minh Quang	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
58	B2607643	Lý Thị Mỹ Vy	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
59	B2607750	Nèang Phi Sây	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
60	B2607861	Sơn Quốc Khải	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
61	B2607994	Thạch Hoài Nam	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
62	B2608073	Thạch Thị Phe Ta Ra	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
63	B2608186	Thạch Minh Triều	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
64	B2608426	Neáng Kim Thông	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
65	B2608773	Triệu Bảo Thy	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
66	B2608971	Nonh Ma Ka Ra	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
67	B2609247	Chau Kim Sơn	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
68	B2609308	Lê Nguyễn Hoàng Huy	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
69	B2609491	Dương Quốc Toàn	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
70	B2609880	Diệp Gia Luân	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
71	B2610059	Danh Thị Hiếu Nhã	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
72	B2610094	Sơn Bích Hữu	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
73	B2610382	Chau Đặng Kim Xuân	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
74	B2610449	Dương Gia Các	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
75	B2610505	Lưu Như Ý	DTTS ở vùng ĐBKk	70%
76	B2610791	Giang Ái Linh	DTTS ở vùng ĐBKk	70%

STT	MSSV	Họ và tên	Đối tượng miễn, giảm	Tỉ lệ miễn, giảm
77	B2610909	Danh Bé Điền	DTTS ở vùng ĐBK	70%
78	B2610986	Kim Khánh Nam	DTTS ở vùng ĐBK	70%
79	B2610998	Thái Phúc	DTTS ở vùng ĐBK	70%
80	B2611019	Nguyễn Thị Thúy Vy	DTTS ở vùng ĐBK	70%
81	B2611251	Kim Tân Đạt	DTTS ở vùng ĐBK	70%
82	B2611265	Son Ngọc Luân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
83	B2611373	Trang Tuệ Mẫn	DTTS ở vùng ĐBK	70%
84	B2611450	Cao Thị Diễm My	DTTS ở vùng ĐBK	70%
85	B2611546	Trần Bảo Hân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
86	B2611601	Trần Kim Linh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
87	B2611930	Dương Hải Lý	DTTS ở vùng ĐBK	70%
88	B2612150	Lý Điệp Gia Nghĩa	DTTS ở vùng ĐBK	70%
89	B2612673	Lâm Tuấn Khang	DTTS ở vùng ĐBK	70%
90	B2613096	Kim Ngọc Dung	DTTS ở vùng ĐBK	70%
91	B2600335	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	Khuyết tật	Miễn học phí
92	B2600510	Lê Thị Hồng Thắm	Khuyết tật	Miễn học phí
93	B2601801	Nguyễn Bách	Khuyết tật	Miễn học phí
94	B2602391	Nguyễn Cao Hoàng Phúc	Khuyết tật	Miễn học phí
95	B2602948	Trần Văn Mạnh	Khuyết tật	Miễn học phí
96	B2605468	Dương Trường Thịnh	Khuyết tật	Miễn học phí
97	B2606372	Phạm Thị Phi Nhung	Khuyết tật	Miễn học phí
98	B2606523	Lê Nguyễn Xuân Hiếu	Khuyết tật	Miễn học phí
99	B2608471	Trần Thanh Hào	Khuyết tật	Miễn học phí
100	B2609833	Lê Trần Duy Mil	Khuyết tật	Miễn học phí
101	B2609924	Đỗ Hồng Lam	Khuyết tật	Miễn học phí
102	B2611254	Võ Thành Đồng	Khuyết tật	Miễn học phí
103	B2611744	Huỳnh Thảo Trinh	Khuyết tật	Miễn học phí
104	B2608116	Trần Quốc Kiệt	Con bệnh binh	Miễn học phí
105	B2600805	Lưu Minh Mạnh	Con thương binh	Miễn học phí
106	B2600860	Trần Đình Nam Giao	Con thương binh	Miễn học phí
107	B2604403	Nguyễn Hoài Hận	Con thương binh	Miễn học phí
108	B2610752	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	Con thương binh	Miễn học phí
109	B2604621	Huỳnh Quốc Sanh	Con thương binh	Miễn học phí
110	B2611152	Huỳnh Công Trọng	Con thương binh	Miễn học phí
111	B2613556	Nguyễn Huy Thùy Dương	Con thương binh	Miễn học phí
112	B2610931	Vũ Thị Hồng Nhung	Người từ 16- 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	Miễn học phí
113	B2602458	Huỳnh Ngọc Như	Mồ côi cha mẹ	Miễn học phí

STT	MSSV	Họ và tên	Đối tượng miễn, giảm	Tỉ lệ miễn, giảm
114	B2603262	Trần Nguyễn Kỳ Duyên	Mồ côì cha mẹ	Miễn học phí
115	B2604020	Phạm Gia Bảo	Mồ côì cha mẹ	Miễn học phí
116	B2604278	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	Mồ côì cha mẹ	Miễn học phí
117	B2610856	Phạm Cao Thúy Vy	Mồ côì cha mẹ	Miễn học phí
118	B2611305	Trần Ngọc Lý	Mồ côì cha mẹ	Miễn học phí
119	B2611779	Mai Thị Phương Nhã	Mồ côì cha mẹ	Miễn học phí

Tổng số theo danh sách có **119** sinh viên./.